

Số: **6859**/TTr-UBND

Đắk Nông, ngày **24** tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và bãi bỏ Khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025 và Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh, với các nội dung cụ thể như sau:

A. Sự cần thiết, mục đích quan điểm, quá trình xây dựng

I. Đối với nội dung ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 và Điểm b Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định:

“Điều 13. Nguyên tắc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù

1. Các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật phức tạp được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù phải có sự tham gia của người dân trong quá trình lập hồ sơ, tổ

chức thi công xây dựng, bảo trì công trình. Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo từng giai đoạn".

"Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

b) Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này".

Do đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là cần thiết và phù hợp với quy định.

2. Mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

a) Mục đích

Việc xây dựng Nghị quyết ban hành quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện nhằm phát huy có hiệu quả nguồn vốn của các chương trình, dự án, tránh trùng lặp, thất thoát, lãng phí; huy động được tối đa các nguồn lực để hỗ trợ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, nhằm phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Đảm bảo đúng quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các quy định của pháp luật hiện hành.

Đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Phù hợp tình hình thực tế của các đơn vị và địa phương.

3. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định (*xây dựng dự thảo lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan tiếp thu, tổng hợp, hoàn thiện dự thảo, Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 50/BCTĐ-STP ngày 15/9/2022*).

4. Một số ý kiến khác có liên quan

- Theo quy định tại tiết 1 Điểm d và tiết 1 Điểm đ Khoản 1 Mục VI Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

“d) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương lồng ghép vốn của Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt theo quy định nguyên tắc lồng ghép vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội và các quy định tại các văn bản khác có liên quan;

...

đ) Ủy ban Dân tộc:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương lồng ghép vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt theo quy định nguyên tắc lồng ghép vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội và các quy định tại các văn bản khác có liên quan.”

Như vậy, việc UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là cần thiết và đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, đến nay Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc chưa có hướng dẫn về thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn. Do đó, để kịp thời triển khai 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, trường hợp Trung ương có hướng dẫn về cơ chế lồng ghép nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia khác với nội dung quy định tại Nghị quyết này thì UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

II. Đối với nội dung bãi bỏ Khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

“Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

4. Ban hành các quy định trong tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù quy định tại Chương IV Nghị định này:

b) Quyết định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án”.

Việc UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định nêu trên trong khi Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về cùng một vấn đề còn hiệu lực thi hành là chưa đúng quy định.

Để giải quyết khó khăn vướng mắc trên và đảm bảo cơ sở pháp lý UBND tỉnh ban hành Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đúng theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP thì việc bãi bỏ Khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 là cần thiết.

Do đó, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, bãi bỏ Khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018, những nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018.

B. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và bãi bỏ Khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh, cụ thể:

- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh gồm có 03 Điều.
- Quy định kèm theo Nghị quyết gồm có 03 Chương, 08 Điều.

2. Nội dung cơ bản của Quy định

Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, gồm có 03 Chương, 08 Điều, cụ thể:

Chương 1: Quy định chung có 02 Điều;

Chương 2: Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác có 04 Điều;

Chương 3: Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù có 02 Điều.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

(Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình gồm: (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; (2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý Dự thảo; (5) Bảng phụ lục tổng hợp đề xuất tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù; (6) Biên bản cuộc họp; (7) Các văn bản có liên quan)

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 6333/TTr-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS, Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, Thành phố Gia Nghĩa;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT.

32

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Mười

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án

đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 và được kéo dài thời hạn áp dụng tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Những nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 và được kéo dài thời hạn áp dụng tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, Khóa IV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TP;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Báo Đắk Nông; Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung

QUY ĐỊNH

Về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Trường hợp các bộ, ban, ngành Trung ương có hướng dẫn về cơ chế lồng ghép nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia khác với nội dung quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Trung ương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lồng ghép và thực hiện các dự án theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương 2

CƠ CHẾ LỒNG GHÉP NGUỒN VỐN GIỮA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, GIỮA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC

Điều 3. Nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn

1. Thực hiện theo các nguyên tắc lồng ghép quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

2. Ưu tiên lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác để hỗ trợ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Điều 4. Các nguồn vốn lồng ghép

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương

a) Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- b) Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu.
- c) Các nguồn vốn khác do Trung ương hỗ trợ (nếu có).

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương

- a) Nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và ngân sách xã.
- b) Các nguồn vốn vay ưu đãi của tỉnh.

3. Nguồn vốn huy động

- a) Vốn huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.
- b) Đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
- c) Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Nội dung và phương pháp lồng ghép các nguồn vốn

Nội dung thực hiện lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Các dự án đầu tư: Tập trung ưu tiên lồng ghép nguồn vốn để đầu tư các dự án gồm: đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng; hệ thống thủy lợi nội đồng; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; trường học; trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bon, buôn, bản (sau đây gọi là thôn); các công trình cấp nước sinh hoạt; cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; hệ thống lưới điện nông thôn; cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; cải tạo cảnh quan nông thôn và các dự án khác thuộc đối tượng đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.

a) Thực hiện lồng ghép trong cùng dự án: Các dự án đầu tư liên xã, liên thôn có cùng mục tiêu, quy mô, đối tượng đầu tư được sử dụng từ 02 nguồn vốn khác nhau trở lên thì thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để đạt được mục tiêu của dự án.

b) Thực hiện lồng ghép trong cùng phạm vi địa bàn: Trên cùng một địa bàn huyện, xã, thôn được đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau, thì lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các công trình, dự án nhằm đạt mục tiêu chung trên địa bàn.

c) Tỷ lệ đóng góp từng chương trình, dự án được lồng ghép: Khi lập danh mục và phê duyệt đầu tư các dự án thực hiện lồng ghép các nguồn vốn theo quy định tại điểm a, khoản b khoản này; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xác định rõ tỷ lệ đóng góp của từng nguồn vốn vào dự án, căn cứ vào khả năng cân đối của các nguồn vốn tham gia lồng ghép theo đúng nội dung, phạm vi, mục tiêu của từng chương trình, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

2. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất: Lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ gắn với lựa chọn đơn vị đặt hàng

trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia.

a) Hoạt động đào tạo, tập huấn: Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện một hoặc một số lớp đào tạo, tập huấn có cùng mục tiêu, địa bàn thực hiện, tránh xảy ra trường hợp nhiều đơn vị cùng đào tạo, tập huấn một nội dung, cho một nhóm đối tượng.

b) Hoạt động thông tin tuyên truyền: Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện một hoặc một số hoạt động thông tin tuyên truyền có cùng mục tiêu, địa bàn thực hiện; tránh xảy ra trường hợp nhiều đơn vị cùng thực hiện một hình thức tuyên truyền có cùng nội dung thông tin.

4. Hoạt động kiểm tra, đánh giá, hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong trường hợp thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành và tổ chức thực hiện một hoặc một số hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có cùng mục tiêu, địa bàn thực hiện.

5. Các nội dung khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có): Trường hợp phát sinh các nội dung, hoạt động có cùng mục tiêu, địa bàn thực hiện phải thực hiện lồng ghép các nguồn vốn theo quy định.

6. Định mức chi cho các nội dung, hoạt động được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành đối với từng nội dung, hoạt động cụ thể. Đồng thời, các nội dung, hoạt động thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia có cùng mục tiêu và được thực hiện trên cùng một địa bàn, cho cùng một đối tượng thì phải thực hiện đồng bộ về mặt thời gian, địa điểm.

Điều 6. Phê duyệt và thanh toán, quyết toán nguồn vốn lồng ghép

1. Phê duyệt các dự án, nội dung, hoạt động lồng ghép

a) Đối với các dự án đầu tư: Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành, trong đó quy định rõ tỷ lệ đóng góp của từng nguồn vốn.

b) Đối với các nội dung, hoạt động

- Các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương và các quy định của tỉnh về nội dung liên quan đến phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, mô hình giảm nghèo.

- Các hoạt động, nội dung còn lại:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cụ thể các nội dung, hoạt động lồng ghép, địa bàn triển khai, đối tượng tham gia; nguồn vốn lồng ghép khi giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí cho các Sở, ngành.

+ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phê duyệt cụ thể các nội dung, hoạt động lồng ghép; địa bàn triển khai, đối tượng tham gia; nguồn vốn lồng ghép khi giao nhiệm vụ, dự toán kinh phí cho các cơ quan chuyên môn và cấp xã.

2. Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép

a) Đối với các dự án đầu tư: Thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, văn bản hướng dẫn của Trung ương về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác (nếu có).

b) Đối với các nội dung, hoạt động: Thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, văn bản hướng dẫn của trung ương về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có).

Chương 3

TỶ LỆ SỐ LƯỢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ

Điều 7. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 8. Quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù

Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 chung cả tỉnh tối thiểu là 40% trên tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia do UBND cấp huyện được giao quản lý, điều hành./.

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Chương trình công tác năm 2022; Sở Kế hoạch đã xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; lấy ý kiến bằng văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Ngày 01/7/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Tờ trình số 36/TTr-SKH đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Ngày 15/9/2022, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 50/BCTĐ-STP của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định nêu trên của Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, giải trình một số nội dung như sau:

ST T	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Giải trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư
1	- Về tên gọi dự thảo: “ <i>Nghị quyết Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn</i> ”	- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.

	<p>2021-2025”. Điều 10 và điểm b Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP không giao địa phương phải quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác phải <i>theo giai đoạn</i> (2021-2025) - Nội dung Nghị định này cũng không giới hạn áp dụng cho giai đoạn. Do đó, cơ quan soạn thảo cần cân nhắc cho phù hợp hơn (tạo sự chủ động, linh hoạt trong áp dụng văn bản, tránh phải điều chỉnh kéo dài ... Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc thì sẽ được đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế... Nếu đến hết năm 2025, Trung ương không (chưa) ban hành hướng dẫn mới (sửa đổi, bổ sung, thay thế... Nghị định số 27/2022/NĐ-CP...) thì văn bản của tỉnh được tiếp tục áp dụng thực hiện mà không bị điều chỉnh và không bị hết hiệu lực theo giai đoạn. Hơn nữa, hiện nay đã gần hết năm 2022 nên đưa ra mốc thời gian “2021” có phù hợp không?</p>	
2	<p>- Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã quy định “<i>Cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là cơ quan chủ quản chương trình) là các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia</i>”. Như vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại thuật ngữ “cơ quan chủ chương trình” tại điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo Quy định được hiểu như thế nào (là cơ quan chủ quản hay cơ quan chủ trì)? Cần quy định rõ để đảm bảo theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.</p>
3	<p>- Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định (về Đối tượng áp dụng): cần nghiên cứu, rà soát quy định lại cho gọn, tránh trùng lặp, vừa thừa, vừa thiếu.</p>	<p>- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.</p>
4	<p>- Đối với tên gọi Nghị quyết, ngoài nội dung về xác định giai đoạn như đã nêu tại mục 1 Báo cáo thẩm định này, đề nghị rà soát, viết chính xác và thống nhất theo quy định tại Mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP: “<i>Nghị quyết ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác ...</i>”. Rà soát, sửa tương tự ở dự thảo Quy định và các</p>	<p>- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.</p>

	điều khoản khác có liên quan.	
5	<p>- Đối với căn cứ “Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;” đề nghị bỏ ra vì đây là văn bản hành chính nên không phù hợp với quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành”. Trường hợp các Quyết định trên có liên quan trực tiếp đến nội dung dự thảo Nghị quyết cần đưa vào thì có thể viết lại như sau: “Thực hiện Quyết định...”.</p>	- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.
6	<p>- Tại Điều 2 dự thảo: Bổ sung tên Điều 2 cụ thể hơn: “Nguyên tắc lồng ghép <u>nguồn vốn</u>”. Chi đưa vào Điều này những nguyên tắc cụ thể của địa phương, các nguyên tắc đã được cấp trên quy định thì dẫn chiếu không cần quy định lại, tránh trường hợp vừa thừa, vừa thiếu, lại không đảm bảo tính thống nhất.</p> <p>+ Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo: Nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn “Thực hiện theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ”. Tuy nhiên, việc chỉ liệt kê điểm a, điểm b của khoản 1 là không đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại như sau: “Thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.”.</p> <p>+ Tại khoản 3 Điều 2 dự thảo: đề nghị nghiên cứu quy định điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP để quy định rõ ràng, chính</p>	- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.

	xác hơn (lập kế hoạch...).	
7	<p>- Tại Điều 3 dự thảo: Đề nghị quy định lại theo hướng ngắn gọn, tổng quát phù hợp với tên gọi của điều (<i>nội dung của Điều 3 như dự thảo ngoài quy định về các nguồn vốn còn quy định các nội dung khác như việc ưu tiên lồng ghép....</i>); không quy định theo hướng liệt kê như dự thảo sẽ dẫn đến việc quy định không đầy đủ hoặc dễ vướng mắc khi thực hiện trên thực tế, hơn nữa cũng không phù hợp khi quy định trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Ngoài ra, cần xem thêm một số nội dung như:</p> <p>+ Tại điểm c khoản 1 Điều 3: đề nghị nghiên cứu, đối chiếu thêm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (<i>Tập trung lồng ghép các nguồn vốn thực hiện nội dung, hoạt động trên địa bàn các huyện nghèo; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>) và khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông (<i>Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt dưới 15 tiêu chí</i>) để quy định cho thống nhất, chính xác.</p> <p>+ Tại điểm d khoản 1 Điều 3 dự thảo: đề nghị nghiên cứu quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (<i>Lồng ghép nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là việc sử dụng vốn của nhiều chương trình, dự án để đầu tư thực hiện công trình, dự án, hoạt động có cùng mục tiêu, nội dung và <u>được thực hiện trên cùng một địa bàn</u> nhằm huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia</i>) để quy định đầy đủ hơn.</p> <p>+ Tại điểm đ khoản 2 Điều 3: đề nghị nghiên cứu quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, có thể viện dẫn để tránh trường hợp có nội dung quy định lại nhưng không chính xác. Trong đó lưu ý nội dung “các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân” vì theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 27/2022/NĐ-CP thì “đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư...” như vậy, việc đóng góp có thể bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động.... Đồng thời tạo sự công bằng, khách quan trong quá trình thực hiện tránh phát sinh những sự việc ngoài ý muốn, ví</p>	<p>- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.</p>

	<p>dự: quy định đóng góp bằng tiền đối với những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn là không phù hợp...</p>	
8	<p>- Tại Điều 4 dự thảo: + Nội dung điểm b khoản 1 Điều 4: đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc quy định cho phù hợp. Lý do: cần đối chiếu theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia đã có các Nghị quyết điều chỉnh, quy định riêng (xem có chồng chéo, mâu thuẫn gì không) như: <i>Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định về nguyên tắc, chỉ định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.</i> Ngoài ra, việc dẫn chiếu theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND quy định tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 và được kéo dài thời hạn áp dụng tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông tại thời điểm hiện nay có phù hợp với thực tiễn và bảo đảm tính pháp lý, ổn định không? Có nên sử dụng quy định của giai đoạn trước cho giai đoạn mới không? + Tại khoản 3 Điều 4: * Đối với nội dung tại khoản 3 Điều 4 dự thảo</p>	<p>- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.</p>

	<p>quy định: "Đối với hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% để thực hiện: đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn ...". Cần bổ sung giải trình về cơ sở pháp lý về mức hỗ trợ 100% đồng thời quy định rõ tỷ lệ vốn của các cấp như: vốn trung ương, vốn ngân sách tỉnh, huyện, các nguồn vốn khác?</p> <p>* Đề nghị nghiên cứu điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP để quy định cho chính xác hơn (<i>Lồng ghép nội dung trong thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí</i>).</p> <p>+ Tại khoản 4 Điều 4: cơ quan soạn thảo quy định lại điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP là chưa đảm bảo tính "cụ thể hóa" như phần đầu của Điều 4 đã nêu.</p>	
9	<p>- Tại Điều 5 dự thảo: cơ quan soạn thảo cần rà soát lại, quy định về cách thức nhưng tại điểm a (<i>Dự án có vốn lồng ghép phải thực hiện theo nguyên tắc...</i>), điểm b (<i>Nguyên tắc lồng ghép phần vốn ngân sách tỉnh mang tính hỗ trợ và giao quyền tự chủ cho UBND huyện, xã, cộng đồng...</i>) của Điều này vẫn có quy định những nguyên tắc?</p>	- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.
10	<p>- Tại Điều 6 dự thảo có quy định "...<i>Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ các hướng dẫn về xây dựng kế hoạch 05 năm và hàng năm...</i>" đề nghị quy định rõ kế hoạch 05 năm và hàng năm về nội dung gì? Theo đó cần rà soát toàn bộ để quy định cho rõ ràng, thống nhất.</p>	- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.
11	<p>- Tại khoản 5 Điều 6 dự thảo quy định "<i>Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính rà soát nội dung, danh mục các dự án, xác định nhu cầu vốn thực hiện phù hợp với khả năng cân đối và đối tượng đầu tư của các nguồn vốn quy định tại Điều 3 Nghị quyết này; tham mưu lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua</i>". Tuy nhiên, tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã quy định một trong</p>	- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.

	<p>những nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là “<i>Xác định rõ tỷ lệ huy động, đóng góp vốn từng chương trình, dự án được lồng ghép; thống nhất định mức chi theo từng nội dung, hoạt động được lồng ghép; thống nhất quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép phù hợp với thực tế tại địa phương</i>” nhưng tại toàn bộ dự thảo chưa có quy định này? Vì vậy, cần nghiên cứu cụ thể hóa để bảo đảm kịp thời triển khai, tránh khó khăn, vướng mắc khi tổ chức thực hiện (tương tự, cần rà soát xem Điều 7 dự thảo đã cụ thể hóa chưa).</p>	
12	<p>- Tại Điều 8 dự thảo: cần cân nhắc về sự cần thiết, phù hợp về thẩm quyền khi đưa vào quy định tại dự thảo Nghị quyết (<i>việc giao trách nhiệm tổ chức thực hiện cho cấp sở, cấp huyện, cấp xã thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh</i>).</p>	<p>- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.</p>
13	<p>- Cần xem xét thêm nội dung tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 27/2022/NĐ-CP: “3. Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương”. Nội dung này tại Điều 7 dự thảo Nghị quyết đã quy định nhưng mới quy định dẫn chiếu chung chung, nếu không có quy định cụ thể (hoặc giao trách nhiệm cho UBND tỉnh quy định hướng dẫn) thì sau này khi thực hiện dễ phát sinh khó khăn, vướng mắc.</p>	<p>- Tiếp thu theo ý kiến của Sở Tư pháp.</p>
14	<p>Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản</p>	
a	<p>Đối với dự thảo Nghị quyết</p> <p>- Xây dựng dự thảo theo đúng Mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Sửa lại tên gọi dự thảo như đã nêu tại mục 2.1 Báo cáo thẩm định này.</p> <p>- Tại căn cứ pháp lý:</p> <p>+ Tại căn cứ thứ 8: sửa lại tên gọi dự thảo như đã nêu tại mục 2.1 Báo cáo thẩm định này.</p> <p>+ Tại căn cứ cuối cùng: không viết tắt cụm từ “UBND” khi chưa được chú thích viết tắt. Trong trường hợp cần thiết, có thể áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p> <p>- Nơi nhận: bổ sung gửi “<i>Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ</i>”; “<i>Công báo tỉnh</i>” để văn bản được công khai, lưu trữ theo quy định. Mục “<i>Lưu</i>” tại phần nơi nhận thực hiện theo mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.</p>	<p>- Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp</p>

b	<p>Đối với dự thảo Quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Quy định: đề nghị rà soát lại “cơ quan chủ”, “Nghị định này” cho chính xác. - Dưới tên loại và tên gọi của dự thảo Quy định: đề nghị sửa thành “<i>Kèm theo Nghị quyết số.../20.../NQ-HĐND ngày... tháng... năm 20... của Hội đồng nhân dân tỉnh.....</i>” và bổ sung đường kẻ ngang nét liền theo đúng quy định tại Mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. - Rà soát, sửa lỗi trình bày trong toàn bộ dự thảo: sau dấu chấm phẩy không viết hoa, khoảng cách giữa các từ trong văn bản... 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp
c	<p>Đối với dự thảo Tờ trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung Tờ trình cần trình bày đúng và đầy đủ nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (<i>Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định.....</i>). - Thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Tờ trình cần thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.

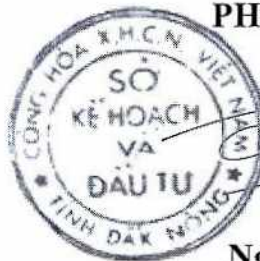
Trên đây là toàn bộ nội dung Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, giải trình theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Các đ/c Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QL.N.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Xuân Đông



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

V/v thống nhất một số nội dung trước khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; lấy ý kiến về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện cơ chế đặc thù theo quy định

Căn cứ khoản 1 Điều 13 và điểm b khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 ngày 06/10/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức cuộc họp với thành phần, nội dung như sau:

I. Thành phần tham dự:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Ông: Ngô Xuân Đông - Phó Giám đốc Sở - Chủ trì;

Ông: Trần Thắng Đức - Trưởng phòng quản lý ngành;

Ông: Trần Trung Hiếu - Trưởng phòng THQH;

Ông: Nguyễn Văn Chín - CV P.GSĐT&TTr;

Bà: Tạ Thị Đông Phương - CV phòng quản lý ngành - Thư ký.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Ông: Đặng Trung Kiên - PTP KHTC

3. Sở Tài chính

Ông: Nguyễn Công Hồng - PTP TCĐT

4. Sở Lao động - Thương binh và xã hội

Ông: Hoàng Việt Nam - Phó Giám đốc Sở

5. Ban Dân tộc

Ông: K'Khét A tô - Phó trưởng Ban

6. Sở Tư pháp

Bà: Võ Thị Thảo - PTP VBPL

7. Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô

Ông: Nguyễn Thị Thuý Hằng - PTP TCKH

8. Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút

Ông: Bùi Văn Khắc - PTP TCKH

9. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil

Ông: Nguyễn Thị Thanh Nga - TP TCKH

10. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song

Ông: Trần Thanh Nghiêm - TP TCKH

11. Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức

Ông: Trần Vĩnh Phú - Phó Chủ tịch

12. Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa

Ông: Vũ Thế Khanh - CV P.TCKH;

13. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong

Ông: Nguyễn Văn Nam - PTP TCKH

Vắng: UBND huyện Đắk R'Lấp

II. Nội dung cuộc họp

Thông nhất một số nội dung trước khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành:

- Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù.

III. Diễn biến cuộc họp

1. Về Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn

Sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư thông qua các dự thảo: Nghị quyết quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù, các đơn vị có ý kiến như sau:

1.1. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil

- Cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ thêm về nội dung “*cấp có thẩm quyền phê duyệt*” tại khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết.

- Về hiệu lực thực hiện Nghị quyết lồng ghép nguồn vốn sau khi được ban hành, UBND huyện đề xuất triển khai việc lồng ghép trong giai đoạn từ năm 2023-2025.

1.2. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong

- Cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết.

- Thống nhất theo ý kiến đề xuất của huyện Đắk Mil nêu trên;

- Cơ quan soạn thảo cần làm rõ về quy định “*tỷ lệ huy động*” tại khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết; vì hiện nay quy định tỷ lệ huy động, đóng góp thuộc

chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đang được áp dụng tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018.

- UBND huyện đề xuất lấy nguồn vốn nào lớn làm mục tiêu để triển khai thực hiện.

1.3. Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút

- Theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ, việc huy động đóng góp của người dân để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phải trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch; và hiện nay, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 quy định cụ thể tỷ lệ huy động đóng góp để xây dựng nông thôn mới hiện nay là không còn phù hợp. Do đó, UBND huyện kiến nghị các Sở, ngành xem xét tham mưu cấp thẩm quyền điều chỉnh phù hợp tình hình thực tế để triển khai thực hiện đúng quy định.

- Cơ quan soạn thảo cần hướng dẫn cụ thể về lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chương trình MTQG (nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, đồng bào dân tộc thiểu số) với nhau như thế nào để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

1.4. Sở Tài chính

- Cơ bản thống nhất nội dung Dự thảo Nghị quyết.

- Việc thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước giao cộng đồng triển khai thực hiện, Sở Tài chính đang triển khai xây dựng; việc thanh quyết toán đối với nguồn vốn ngân sách thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.5. Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức

- Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ về quy định “tỷ lệ huy động” tại điểm c khoản 1 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết; vì hiện nay quy định tỷ lệ huy động, đóng góp thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đang được áp dụng tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018. Đối với chương trình MTQG giảm nghèo và đồng bào DTTS đề nghị làm rõ các phương án áp dụng lồng ghép để địa phương thực hiện.

- UBND huyện đề xuất trong dự án lồng ghép có nguồn vốn nào lớn thì lấy nguồn vốn đó làm trung tâm để triển khai thực hiện, việc thanh toán, quyết toán theo quy định của nguồn vốn đó.

- Đối với nguồn vốn huy động, thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh.

1.6. Sở Tư pháp

Qua xem xét các nguyên tắc thực hiện tại Điều 2 của Nghị quyết thì Sở Tư pháp nhận thấy tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết chưa phù hợp; do đó, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát kỹ để tham mưu cấp thẩm quyền đúng quy định. Đồng thời, cần nghiên cứu bổ sung trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quá trình lồng ghép các nguồn vốn, dự án theo quy định.

1.7. Phòng Tổng hợp - Quy hoạch

- Cơ bản thống nhất nội dung Dự thảo Nghị quyết.
- Tại Khoản 3 Điều 2: Đề nghị giữ nguyên để các huyện chủ động trong việc triển khai thực hiện.
- Tỷ lệ đóng góp: Đề nghị thực hiện theo đúng quy định của tỉnh.

2. Về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù

Qua thảo luận, các sở ngành, địa phương cơ bản thống nhất áp dụng tỷ lệ số lượng dự án tối thiểu chung là 40% tổng số dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình MTQG trên địa bàn huyện, thành phố như tổng hợp, tính toán trung bình chung của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Trong quá trình triển khai thực hiện, gặp khó khăn nếu cần điều chỉnh, các địa phương chủ động đề xuất, báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp) xem xét, quyết định.

IV. Kết luận

Trên cơ sở thảo luận của các đơn vị tham dự cuộc họp, đồng chí chủ trì kết luận như sau:

- Về dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn: Trên cơ sở góp ý của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết và trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù: Thống nhất với phương án 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất (Tỷ lệ số lượng dự án tối thiểu chung là 40% tổng số dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình MTQG trên địa bàn huyện, thành phố).

Biên bản cuộc họp kết thúc vào lúc 17 giờ 00 cùng ngày và được các thành viên tham dự cuộc họp thống nhất thông qua./.

Thư ký



Tạ Thị Đông Phương

Chủ trì 



Ngô Xuân Đông

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

Thực hiện quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2020*); theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 36/TTr-SKHĐT về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025, Sở Tư pháp tiến hành thẩm định dự thảo Nghị quyết với những nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết ban hành dự thảo Nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh đối với dự thảo Nghị quyết

a) Sự cần thiết ban hành dự thảo Nghị quyết

- Điểm b Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đã quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

“Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

...

b) *Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này”.*

- Mặt khác, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định “1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.” (theo Khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

Do đó, việc cơ quan soạn thảo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

giai đoạn 2021-2025 là phù hợp về thẩm quyền và thống nhất với hệ thống pháp luật.

b) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Cơ quan soạn thảo cần lưu ý những vấn đề sau:

- Về tên gọi dự thảo: “*Nghị quyết Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025*”.

Điều 10 và điểm b Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP không giao địa phương phải quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác phải **theo giai đoạn** (2021-2025) – Nội dung Nghị định này cũng không giới hạn áp dụng cho giai đoạn. Do đó, cơ quan soạn thảo cần cân nhắc cho phù hợp hơn (tạo sự chủ động, linh hoạt trong áp dụng văn bản, tránh phải điều chỉnh kéo dài,... Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc thì sẽ được đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế... Nếu đến hết năm 2025, Trung ương không (chưa) ban hành hướng dẫn mới (sửa đổi, bổ sung, thay thế... Nghị định số 27/2022/NĐ-CP...) thì văn bản của tỉnh được tiếp tục áp dụng thực hiện mà không bị điều chỉnh và không bị hết hiệu lực theo giai đoạn. Hơn nữa, hiện nay đã gần hết năm 2022 nên đưa ra mốc thời gian “2021” có phù hợp không?

- Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã quy định “*Cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là cơ quan chủ quản chương trình) là các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia*”. Như vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại thuật ngữ “**cơ quan chủ chương trình**” tại điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo Quy định được hiểu như thế nào (là cơ quan **chủ quản** hay cơ quan **chủ trì**)? Cần quy định rõ để đảm bảo theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định (về Đối tượng áp dụng): cần nghiên cứu, rà soát quy định lại cho gọn, tránh trùng lặp, vừa thừa, vừa thiếu.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

2.1. Đối với dự thảo Nghị quyết

- Đối với tên gọi Nghị quyết, ngoài nội dung về xác định giai đoạn như đã nêu tại mục 1 Báo cáo thẩm định này, đề nghị rà soát, viết chính xác và thống nhất theo quy định tại Mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP:

“**Nghị quyết ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác ...**”. Rà soát, sửa tương tự ở dự thảo Quy định và các điều khoản khác có liên quan.

- Đối với phần căn cứ pháp lý:

Đối với căn cứ “**Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;**” đề nghị bỏ ra vì đây là văn bản hành chính nên không phù hợp với quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “**Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành**”. Trường hợp các Quyết định trên có liên quan trực tiếp đến nội dung dự thảo Nghị quyết cần đưa vào thì có thể viết lại như sau: “**Thực hiện Quyết định...**”.

2.2. Đối với dự thảo Quy định

- Tại Điều 2 dự thảo: Bổ sung tên Điều 2 cụ thể hơn: “**Nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn**”. Chỉ đưa vào Điều này những nguyên tắc cụ thể của địa phương, các nguyên tắc đã được cấp trên quy định thì dẫn chiếu không cần quy định lại, tránh trường hợp vừa thừa, vừa thiếu, lại không đảm bảo tính thống nhất.

+ Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo: Nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn “**Thực hiện theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ**”. Tuy nhiên, việc chỉ liệt kê điểm a, điểm b của khoản 1 là không đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại như sau: “**Thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**”.

+ Tại khoản 3 Điều 2 dự thảo: đề nghị nghiên cứu quy định điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP để quy định rõ ràng, chính xác hơn (lập kế hoạch...).

- Tại Điều 3 dự thảo: Đề nghị quy định lại theo hướng ngắn gọn, tổng quát phù hợp với tên gọi của điều (**nội dung của Điều 3 như dự thảo ngoài quy định về các nguồn vốn còn quy định các nội dung khác như việc ưu tiên lồng**

ghép....); không quy định theo hướng liệt kê như dự thảo sẽ dẫn đến việc quy định không đầy đủ hoặc dễ vướng mắc khi thực hiện trên thực tế, hơn nữa cũng không phù hợp khi quy định trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Ngoài ra, cần xem thêm một số nội dung như:

+ Tại điểm c khoản 1 Điều 3: đề nghị nghiên cứu, đối chiếu thêm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (*Tập trung lồng ghép các nguồn vốn thực hiện nội dung, hoạt động trên địa bàn các huyện nghèo; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*) và khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông (*Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt dưới 15 tiêu chí*) để quy định cho thống nhất, chính xác.

+ Tại điểm d khoản 1 Điều 3 dự thảo: đề nghị nghiên cứu quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (*Lồng ghép nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là việc sử dụng vốn của nhiều chương trình, dự án để đầu tư thực hiện công trình, dự án, hoạt động có cùng mục tiêu, nội dung và được thực hiện trên cùng một địa bàn nhằm huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia*) để quy định đầy đủ hơn.

+ Tại điểm đ khoản 2 Điều 3: đề nghị nghiên cứu quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, có thể viện dẫn để tránh trường hợp có nội dung quy định lại nhưng không chính xác. Trong đó lưu ý nội dung “các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân” vì theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 27/2022/NĐ-CP thì “đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư...” như vậy, việc đóng góp có thể bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động.... Đồng thời tạo sự công bằng, khách quan trong quá trình thực hiện tránh phát sinh những sự việc ngoài ý muốn, ví dụ: quy định đóng góp bằng tiền đối với những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn là không phù hợp...

- Tại Điều 4 dự thảo:

+ Nội dung điểm b khoản 1 Điều 4: đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc quy định cho phù hợp. Lý do: cần đối chiếu theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia đã có các Nghị quyết điều chỉnh, quy định riêng (xem có chồng chéo, mâu thuẫn gì không) như: *Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm*

nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định về nguyên tắc, chỉ định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Ngoài ra, việc dẫn chiếu theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND quy định tỷ lệ ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện **Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững** trên địa bàn tỉnh Đắk Nông **đến năm 2020** và được kéo dài thời hạn áp dụng tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông tại thời điểm hiện nay có phù hợp với thực tiễn và bảo đảm tính pháp lý, ổn định không? Có nên sử dụng quy định của giai đoạn trước cho giai đoạn mới không?

+ Tại khoản 3 Điều 4:

* Đối với nội dung tại khoản 3 Điều 4 dự thảo quy định: "*Đối với hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% để thực hiện: đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn...*". Cần bổ sung giải trình về cơ sở pháp lý về mức hỗ trợ 100% đồng thời quy định rõ tỷ lệ vốn của các cấp như: vốn trung ương, vốn ngân sách tỉnh, huyện, các nguồn vốn khác?

* Đề nghị nghiên cứu điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP để quy định cho chính xác hơn (**Lồng ghép nội dung** trong thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí).

+ Tại khoản 4 Điều 4: cơ quan soạn thảo quy định lại điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP là chưa đảm bảo tính "cụ thể hóa" như phần đầu của Điều 4 đã nêu.

- Tại Điều 5 dự thảo: cơ quan soạn thảo cần rà soát lại, quy định về **cách thức** nhưng tại điểm a (*Dự án có vốn lồng ghép phải thực hiện theo nguyên tắc...*), điểm b (*Nguyên tắc lồng ghép phần vốn ngân sách tỉnh mang tính hỗ trợ và giao quyền tự chủ cho UBND huyện, xã, cộng đồng...*) của Điều này vẫn có quy định những **nguyên tắc**?

- Tại Điều 6 dự thảo có quy định "*...Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ các hướng dẫn về xây dựng kế hoạch 05 năm và hàng năm...*" đề nghị quy định rõ kế hoạch 05 năm và hàng năm về nội dung gì? Theo đó cần rà soát toàn bộ để quy định cho rõ ràng, thống nhất.

- Tại khoản 5 Điều 6 dự thảo quy định “*Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính rà soát nội dung, danh mục các dự án, xác định nhu cầu vốn thực hiện phù hợp với khả năng cân đối và đối tượng đầu tư của các nguồn vốn quy định tại Điều 3 Nghị quyết này; tham mưu lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua*”.

Tuy nhiên, tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã quy định một trong những nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia là “*Xác định rõ tỷ lệ huy động, đóng góp vốn từng chương trình, dự án được lồng ghép; thống nhất định mức chi theo từng nội dung, hoạt động được lồng ghép; thống nhất quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép phù hợp với thực tế tại địa phương*” nhưng tại toàn bộ dự thảo chưa có quy định này? Vì vậy, cần nghiên cứu cụ thể hóa để bảo đảm kịp thời triển khai, tránh khó khăn, vướng mắc khi tổ chức thực hiện (trương tịt, cần rà soát xem Điều 7 dự thảo đã cụ thể hóa chưa).

- Tại Điều 8 dự thảo: cần cân nhắc về sự cần thiết, phù hợp về thẩm quyền khi đưa vào quy định tại dự thảo Nghị quyết (*việc giao trách nhiệm tổ chức thực hiện cho cấp sở, cấp huyện, cấp xã thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh*).

- Cần xem xét thêm nội dung tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 27/2022/NĐ-CP: “*3. Quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương*”. Nội dung này tại Điều 7 dự thảo Nghị quyết đã quy định nhưng mới quy định dẫn chiếu chung chung, nếu không có quy định cụ thể (hoặc giao trách nhiệm cho UBND tỉnh quy định hướng dẫn) thì sau này khi thực hiện dễ phát sinh khó khăn, vướng mắc.

Tóm lại, đề nghị cơ quan soạn thảo bám sát nội dung quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP để quy định cho phù hợp với định hướng của Trung ương và điều kiện thực tiễn của địa phương. Cơ quan thẩm định xét thấy, nội dung của dự thảo tập trung chủ yếu vào việc quy định mang tính hướng dẫn, nguyên tắc. Những nội dung cụ thể về “*Xác định rõ tỷ lệ huy động, đóng góp vốn từng chương trình, dự án được lồng ghép; thống nhất định mức chi theo từng nội dung, hoạt động được lồng ghép; thống nhất quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép phù hợp với thực tế tại địa phương*” vẫn chưa được đề cập trong dự thảo. Vì vậy, chưa giải quyết được triệt để những vấn đề xung quanh việc thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn.

Thời gian qua, việc ban hành các thông tư, văn bản hướng dẫn tổ chức, thực hiện, triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia nói chung và việc thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia nói

riêng vẫn chưa kịp thời. Vấn đề này đã được Lãnh đạo Chính phủ liên tục đôn đốc, nhắc nhở thông qua hàng loạt văn bản chỉ đạo, điều hành. Chẳng hạn, Thông báo số 139/TB-VPCP ngày 10/5/2022 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (đã yêu cầu Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính khẩn trương ban hành kế hoạch, hướng dẫn chỉ đạo các địa phương lồng ghép các nguồn vốn ngân sách trung ương được giao của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới đã được giao theo các quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trên địa bàn các xã, huyện khó khăn...); Công điện số 501/CD-TTg ngày 10/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đôn đốc triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia (đã yêu cầu thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý và tăng cường lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lặp, lãng phí; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản...; hoàn thành việc ban hành các thông tư, văn bản hướng dẫn tổ chức, thực hiện từng chương trình, dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 01 tháng 7 năm 2022...).

Đây cũng là một trong số nguyên nhân, khó khăn chung cho các địa phương trong cả nước khi triển khai xây dựng, ban hành văn bản cụ thể hóa theo thẩm quyền (đến thời điểm hiện nay, rất ít tỉnh, thành phố đã ban hành được quy định cụ thể hóa nội dung này). Do đó, để tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông một cách khả thi, phù hợp thì cơ quan soạn thảo cần theo dõi, cập nhật kịp thời, đầy đủ các quy định, hướng dẫn có liên quan của Trung ương. Ngoài ra, cơ quan soạn thảo cần đánh giá, nghiên cứu *kế thừa* những quy định của Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép và quản lý các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017 – 2020 đã được triển khai có hiệu quả trên thực tế nhưng phải đảm bảo đúng thẩm quyền do HĐND tỉnh quy định.

3. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, chú ý các lỗi cách chữ, dấu câu (dấu chấm, dấu phẩy, không sử dụng

một cách tùy tiện)..., đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Xây dựng dự thảo theo đúng **Mẫu số 17 Phụ lục I** kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Sửa lại tên gọi dự thảo như đã nêu tại mục 2.1 Báo cáo thẩm định này.

- Tại căn cứ pháp lý:

+ Tại căn cứ thứ 8: sửa lại tên gọi dự thảo như đã nêu tại mục 2.1 Báo cáo thẩm định này.

+ Tại căn cứ cuối cùng: không viết tắt cụm từ “UBND” khi chưa được chú thích viết tắt. Trong trường hợp cần thiết, có thể áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Nơi nhận: bổ sung gửi “*Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ*”; “*Công báo tỉnh*” để văn bản được công khai, lưu trữ theo quy định. Mục “*Lưu*” tại phần nơi nhận thực hiện theo mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

b) Đối với dự thảo Quy định

- Tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Quy định: đề nghị rà soát lại “*cơ quan chủ*”, “*Nghị định này*” cho chính xác.

- Dưới tên loại và tên gọi của dự thảo Quy định: đề nghị sửa thành “*Kèm theo Nghị quyết số.../20.../NQ-HĐND ngày... tháng... năm 20... của Hội đồng nhân dân tỉnh.....*” và bổ sung đường kẻ ngang nét liền theo đúng quy định tại Mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Rà soát, sửa lỗi trình bày trong toàn bộ dự thảo: sau dấu chấm phẩy không viết hoa, khoảng cách giữa các từ trong văn bản...

c) Đối với dự thảo Tờ trình

- Nội dung Tờ trình cần trình bày đúng và đầy đủ nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (*Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định....*).

- Thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Tờ trình cần thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư.

4. Kết luận chung

Việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 là đúng thẩm quyền và cần thiết.

Tuy nhiên về nội dung, cơ quan soạn thảo cần xem xét, nghiên cứu những vấn đề mà Sở Tư pháp nêu tại mục 1, 2, 3 của Báo cáo thẩm định này, từ đó tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo trước khi trình cấp có thẩm quyền theo quy định (*cần nhắc thêm về thời điểm trình để bảo đảm chất lượng dự thảo nếu được xem xét, thông qua*).

Trên đây là nội dung Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&ĐT (t/h);
- GD, PGD Sở (đ/c Tài);
- Lưu: VT, VBPPPL (PT+A).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trung Hiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

V/v xử lý đề nghị của Sở Xây dựng về việc thực hiện nhiệm vụ tham mưu Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án tại mục 10.2 Quyết định 1053/QĐ-BCĐ và triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 5903/UBND-KT ngày 14/10/2022 về việc tham mưu xử lý đề nghị của Sở Xây dựng về việc thực hiện nhiệm vụ tham mưu Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án tại mục 10.2 Quyết định 1053/QĐ-BCĐ.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 ngày 27/10/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức cuộc họp với thành phần, nội dung như sau.

I. Thành phần tham dự:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Ông: Ngô Xuân Đông – Phó Giám đốc Sở - Chủ trì;

Ông: Trần Thắng Đức – Trưởng phòng QLN;

Ông: Nguyễn Chánh Thế – Phó Trưởng phòng QLN;

Ông: Cao Xuân Phước – CV P.QLN - Thư ký.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Ông: Hồ Sỹ Hào – CV P. KHTC

3. Sở Xây dựng

Ông: Trương Văn Vinh - TP KT&QLHĐXD

4. Sở Tư pháp

Bà: Nguyễn Thị Phương Trâm – VBPBPL

5. Sở Lao động – Thương binh và xã hội

Bà: Nguyễn Thị Linh – PTP BTXH&PCTN

6. Ban Dân tộc

Ông: Trần Viết Điệp – TP Nghiệp vụ

II. Nội dung cuộc họp

Thông nhất nội dung đề tham mưu UBND tỉnh xử lý đề nghị của Sở Xây dựng về việc thực hiện nhiệm vụ tham mưu Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án tại mục 10.2 Quyết định 1053/QĐ-BCĐ và triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

III. Diễn biến cuộc họp

Sau khi nghe Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tóm tắt về khó khăn, vướng mắc của Sở Xây dựng và một số nội dung khác có liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Các cơ quan đơn vị dự họp đã thảo luận. Qua đó, cuộc họp thống nhất báo cáo, đề xuất UBND tỉnh như sau:

1. Về quy định hỗ trợ chi phí chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án

Thống nhất tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2022 (có thể lồng ghép vào dự thảo Nghị quyết cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông do Sở Kế hoạch và Đầu tư đang trình). Những nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018.

Sau khi khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND bãi bỏ, Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (được sửa đổi năm 2020) và các quy định khác có liên quan.

2. Về các cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục chủ trì, phối hợp với các sở ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản triển khai nội dung còn thiếu tại quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 mà trước đây đơn vị đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND, cụ thể:

(1) Quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu và tỷ lệ huy động các nguồn vốn đóng góp từ doanh nghiệp, người dân trên địa bàn,... để tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đúng quy định, phù hợp tình hình thực tế của địa phương;

(2) Quy định tỷ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, huyện từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã để thực hiện các nội dung xây dựng NTM.

(Nhiệm vụ này, Trưởng ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021-2025 đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện tại mục 1.3 Phụ lục kèm theo Quyết định 1053/QĐ-BCĐ ngày 27/6/2022).

Cuộc họp kết thúc vào lúc 16 giờ 30 cùng ngày và được các thành viên tham dự cuộc họp thống nhất./.

Đ/D SỞ TƯ PHÁP



Nguyễn Thị Phương Trâm

**Đ/D SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

Đ/D SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



Ngô Xuân Đông

**Đ/D NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**

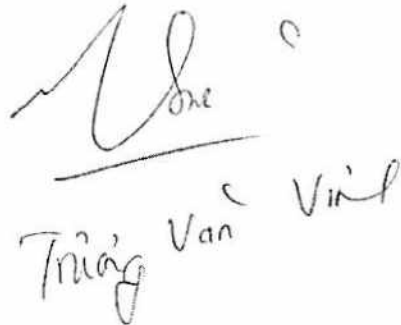
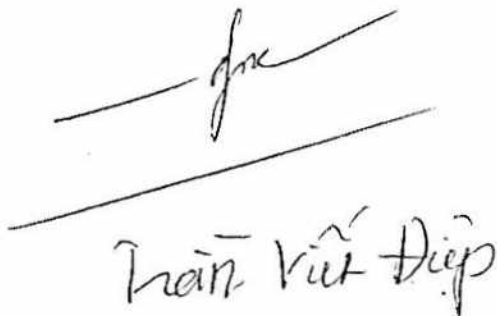


Đ/D BAN DÂN TỘC



Hồ Sỹ Hào

Đ/D SỞ XÂY DỰNG



BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT TỶ LỆ SỐ LƯỢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số ngày tháng 10 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

S T T	Tên danh mục dự án	Tỷ lệ (%) do UBND các huyện, thành phố đề xuất								
		Đắk Glong (Công văn số 2423/UBND- TCKH ngày 20/7/2022)	Tuy Đức (Công văn số 1333/UBND- TCKH ngày 26/7/2022)	Đắk Song (Công văn số 2112/UBND- TCKH ngày 21/7/2022)	Krông Nô (Công văn số 1418/UBND- TCKH ngày 22/7/2022)	Cư Jút (Công văn số 1899/UBND- TCKH ngày 25/7/2022)	Đắk R'Lấp (Công văn số 897/UBND- KTHT ngày 20/7/2022)	Đắk Mil (Công văn số 1160/UBND- TCKH ngày 20/7/2022)	TP Gia Nghĩa (Công văn số 1942/UBND- TCKH ngày 20/7/2022)	
1	Đường giao thông đến trung tâm xã.	-	50	50	30	-	-	-	-	
2	Đường giao thông trục thôn, buôn, buôn, đường giao thông liên thôn, ngõ xóm; giao thông nội đồng.	20	50	50	100	80	85	30	50	
3	Hạ tầng khu sản xuất tập trung (sân phơi, công, tường rào).	40	70	50	100	100	100	50	100	
4	Đường vào nghĩa trang xã.	30	70	50	100	100	100	80	50	
5	Các công trình phụ trợ trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở như: Sân, công, tường rào, nhà vệ sinh, giếng nước, ...	20	50	50	-	100	30	-	30	

6	Công trình thể thao xã, thôn, bon, buôn, bản và các công trình phụ trợ của nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, công trình thể thao xã, thôn, bon, buôn, bản như: Sân, công, tường rào, nhà vệ sinh, giếng nước, ...	40	50	50	50	30	100	30	30	50
7	Công trình kênh mương nội đồng.	-	50	50	50	50	80	30	5	-
8	Công trình thoát nước thải khu dân cư.	20	70	50	50	50	100	50	-	-
9	Công trình chợ nông thôn.	-	50	50	50	-	100	-	-	-
10	Công trình vệ sinh môi trường nông thôn.	50		50	50	50	100	90	-	50
11	Cống qua đường giao thông nông thôn.	-	-	50	50	-	100	-	5	20

BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Tờ trình số ngày tháng 10 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Stt	Đơn vị cho ý kiến	Nội dung ý kiến	Nội dung giải trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ghi chú
I	Lấy ý kiến các đơn vị lần 1 (Công văn số 1331/SKHĐT-QLN ngày 13/6/2022)			
1	Ủy ban Mật trận Tổ quốc Việt Nam tình	Thống nhất nội dung như dự thảo do Sở Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.		Công văn số 951/MTTQ-BTT ngày 09/6/2022
2	Ban quản lý các khu công nghiệp	Thống nhất nội dung như dự thảo do Sở Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.		Công văn số 392/BQLKCN-NVTH ngày 10/6/2022
3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Thống nhất nội dung như dự thảo do Sở Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo và hình thức trình bày văn bản.		Công văn số 1318/SLĐTBXH-BTXH&PCTN, ngày 10/6/2022
4	Sở Giao thông vận tải	Thống nhất nội dung như dự thảo do Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng.		Công văn số 725/SGTVT-KHTC ngày 13/6/2022
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thống nhất nội dung như dự thảo do Sở Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.		Công văn số 1333/STNMT-CCBVMT ngày 13/6/2022
6	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Thống nhất nội dung như dự thảo do Sở Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.		Công văn số 795/SVHTTDL-KHTC ngày 13/6/2022
7	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất nội dung như dự thảo do Sở Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.		Công văn số 541/SKHCN-VP ngày 13/6/2022
8	UBND huyện Krông Nô	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết.		Công văn số 1169/UBND-TCKH ngày 16/6/2022
9	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết.		Công văn số 1062/BCH-HC ngày 13/6/2022

10	UBND Đắk Lắk	Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết.		Công văn số 724/UBND-TC ngày 17/6/2022
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sau khi nghiên cứu dự thảo, Sở Giáo dục và Đào tạo cơ bản thống nhất các nội dung trong dự thảo Nghị quyết. Về nội dung đề xuất tỷ lệ số lượng dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc công trình trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở: 20%.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, ý kiến của đơn vị; tuy nhiên, theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, các dự án đầu tư xây dựng thuộc lĩnh vực cấp điện, đầu tư lưới điện phân phối không áp dụng cơ chế đặc thù.	Công văn số 208/SGDĐT-TCCBTC ngày 10/6/2022
12	Sở Công thương	Qua nghiên cứu, Sở Công Thương cơ bản thống nhất các nội dung theo Dự thảo; tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo một số nội dung sau: 1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Điều a, Khoản 1, Điều 4 “cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn” thành “xây dựng mới, cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn”. 2. Bổ sung công trình cấp điện nông thôn vào Danh mục dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù tại Điều 5 Nghị quyết.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, ý kiến của đơn vị; tuy nhiên, theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, các dự án đầu tư xây dựng thuộc lĩnh vực cấp điện, đầu tư lưới điện phân phối không áp dụng cơ chế đặc thù.	Công văn số 745/SCT-QLNL ngày 14/6/2022
13	UBND thành phố Gia Nghĩa	Sau khi nghiên cứu, UBND thành phố Gia Nghĩa thống nhất theo nội dung dự thảo. Trong thời gian UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết nêu trên, UBND thành phố kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh và các Sở, ngành, cơ quan chuyên môn của tỉnh sớm nghiên cứu tham mưu xây dựng và ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật; định mức hỗ trợ; nội dung hỗ trợ; quy trình lập kế hoạch lồng ghép; quy trình, thủ tục lập hồ sơ, thẩm định, phê duyệt, phân bổ vốn, thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép theo các nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh nêu trên để các cơ quan, địa phương, đặc biệt là các chủ đầu tư có cơ sở triển khai thực hiện ngay sau khi nguồn vốn của các Chương trình được cấp có thẩm quyền phân bổ trong năm 2022 (nếu có).	Nội dung này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất UBND trong chương trình công tác năm 2022 của Ban Chi đạo các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025.	

14	UBND Tuy Đức huyện	<p>Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, UBND huyện Tuy Đức góp ý như sau:</p> <p>1. Đề nghị thay đổi nội dung tại Điểm c, Khoản 2, Điều 6 thành “Bước xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, lập kế hoạch đầu tư cấp huyện: Trên cơ sở đề xuất của UBND các xã, UBND huyện giao cho các phòng tương ứng với cơ quan chủ trì chương trình mục tiêu quốc gia: phòng Nông nghiệp & PTNT (đối với CTMTQG xây dựng Nông thôn mới), phòng Dân tộc (đối với CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), phòng Lao động -TB&XH (đối với CTMTQG giảm nghèo bền vững) phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan rà soát, xác định rõ cơ cấu nguồn vốn lồng ghép trong kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia gửi các cơ quan chủ trì các chương trình có liên quan, đồng thời gửi phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, báo cáo UBND</p> <p>2. Các nội dung khác thống nhất theo dự thảo Nghị quyết.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến của đơn vị.	Công văn số 1065/UBND-TCKH ngày 15/6/2022
15	UBND Đắk Glong huyện	<p>Sau khi nghiên cứu, UBND huyện Đắk Glong cơ bản thống nhất dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên đề nghị điều chỉnh một số nội dung cụ thể như sau:</p>		Công văn số 1919/UBND-TCKH ngày 13/6/2022

	<p>1. Kiến nghị bỏ Mục c, Khoản 1, Điều 4 của dự thảo Nghị quyết “Đổi với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù, ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần vốn, phần còn lại do người dân đóng góp và từ nguồn vốn hợp pháp khác tại địa phương để thực hiện dự án đầu tư xây dựng”, vì đối với các dự án trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn đã được quy định tại Mục b, Khoản 1, Điều 4 của dự thảo Nghị quyết “Đổi với dự án thực hiện trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% cho các dự án thực hiện các nội dung phát triển cơ sở hạ tầng”. Không quy định các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù phải huy động đóng góp, vì cơ chế đặc thù là quy định quy trình thực hiện, còn các dự án trên xã đặc biệt khó khăn thì ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100%.</p> <p>2. Đối với tiêu chí lựa chọn dự án theo cơ chế đặc thù thống nhất theo quy định theo Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, tuy nhiên trong kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022 nếu các Bộ, ngành và UBND tỉnh chưa ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn, trước mắt cho phép thực hiện theo cơ chế thông thường của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến góp ý của đơn vị.</p>	
--	---	--	--

16	<p>Công An tỉnh Đắk Nông</p>	<p>3. Tại Mục c, Khoản 1, Điều 6, đề nghị sửa đổi, điều chỉnh thành “Bước xây dựng kế hoạch triển kinh tế - xã hội, lập kế hoạch đầu tư cấp huyện: Trên cơ sở đề xuất của UBND các xã và các đơn vị, UBND huyện giao cho 03 phòng quản lý, thực hiện 03 Chương trình MTQG tương ứng (<i>phòng Dân tộc; phòng Lao động TB và XH; phòng Nông nghiệp và PTNT</i>) phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan rà soát danh mục đầu tư, xác định rõ cơ cấu nguồn vốn lồng ghép trong kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG, xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm của từng chương trình, giao phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp; báo cáo UBND huyện và gửi các cơ quan chủ các chương trình có liên quan.</p> <p>Qua nghiên cứu, Công an tỉnh cơ bản thống nhất các nội dung trong dự thảo Nghị quyết; tuy nhiên, cần nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại Điều 3 của Dự thảo, đề nghị xác định nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cho phù hợp các quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 7, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ. - Tại điểm a, khoản 2 Điều 6, đề nghị chỉnh sửa “... các địa phương từ xã, huyện, thị xã, ...” thành “... các địa phương từ xã, huyện, thị xã, ...”; rà soát, sửa đổi cụm từ “quy hoạch xây dựng nông thôn” thành “quy hoạch nông thôn: theo quy định tại điểm a, khoản 18, Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc Hội. 	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến của đơn vị.</p>	<p>Công văn số 909/CAT-PA04 ngày 13/6/2022</p>
		<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận ý kiến góp ý; tuy nhiên, việc xác định nguồn vốn thực hiện, Sở KHĐT sẽ không đưa vào dự thảo Nghị quyết, với lý do: trên cơ sở Nghị quyết về cơ chế lồng ghép và các nguồn vốn được giao, UBND cấp huyện, cấp xã xem xét nhu cầu cần thiết phải đầu tư, từ đó, tiến hành lồng ghép giữa các nguồn vốn có liên quan.</p>		
			<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của đơn vị.</p>	

17	Sở Nông nghiệp và PTNT	<p>Sở Nông nghiệp và PTNT cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo Nghị quyết; tuy nhiên có một số ý kiến góp ý như sau:</p> <p>1. Tại Điều 4 Dự thảo Nghị quyết quy định, “Nội dung lồng ghép các nguồn vốn”, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét bổ sung nội dung sau:</p> <p>- Bổ sung các dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn viện trợ phi Chính phủ (NGO).</p> <p>- Lý do điều chỉnh: Tại điểm c, khoản 1, Điều 3 Quy định, kèm Dự thảo Nghị quyết, quy định các nguồn vốn thực hiện lồng ghép, gồm: “Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn viện trợ phi Chính phủ (NGO)”. Tuy nhiên, tại Điều 4 chưa đề cập đến “Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn viện trợ phi Chính phủ (NGO)”; đặc biệt là đối với nguồn vốn ODA hỗ trợ không hoàn lại theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ, về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.</p> <p>2. Tại điểm b khoản 6 Điều 4 của Dự thảo Nghị quyết “Giao huyện làm chủ đầu tư” đề nghị sửa thành “Giao huyện quản lý sử dụng”. Vì theo cơ chế đầu tư tại điểm c khoản 1 mục V của Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định Chủ đầu tư là cấp xã.</p> <p>3. Tại Điều 5 của Dự thảo Nghị quyết, đề xuất tỷ lệ cụ thể: Có văn bản kèm theo.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của đơn vị.	Công văn số 1328/SNN-KHTC ngày 13/6/2022
			Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến của đơn vị.	
			Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến đề xuất của đơn vị.	

		<p>4. Kiến nghị: Đối với những công trình trên phạm vi một xã do xã làm chủ đầu tư và đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 14 của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ thì nên quy định bắt buộc phải thực hiện theo cơ chế đặc thù để giảm thời gian, kinh phí lập và thẩm định hồ sơ xây dựng; đồng thời tạo mọi điều kiện cho cấp cơ sở chủ động, linh hoạt, được trao quyền quyết định, để người dân thực hiện vai trò chủ thể thực sự trong triển khai Chương trình MTQG nói chung và trong chương trình xây dựng nông thôn mới nói riêng.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận kiến nghị của đơn vị.</p>	
II	Lấy ý kiến các đơn vị lần 2 (Công văn số 1402/SKH-QLN ngày 16/6/2022)			
1	UBND Thành phố Gia Nghĩa	Thống nhất với nội dung dự thảo.		Công văn số 1582/UBND-TCKH ngày 17/6/2022
2	Sở Tài nguyên và môi trường	Thống nhất với nội dung dự thảo.		Công văn số 1392/STNMT-CCBVM ngày 16/6/2022
3	Sở Y Tế	Thống nhất với nội dung dự thảo.		Công văn số 1377/SYT-KHTC ngày 17/6/2023
4	Sở Công thương	Thống nhất với nội dung dự thảo.		Công văn số 767/SCT-QLNL ngày 17/6/2022
5	UBND huyện Đắk R'lấp	Thống nhất với nội dung dự thảo.		Công văn số 731/UBND-TCKH ngày 20/6/2022
6	UBND huyện Tuy Đức	Thống nhất với nội dung dự thảo.		Công văn số 677/UBND-TCKH ngày 20/6/2022

7	Sở Giao thông Vận tải	Thống nhất với nội dung dự thảo.	Công văn số 767/SGTVT-KHTC ngày 17/6/2022
8	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất với nội dung dự thảo.	Công văn số 562/SKHCN-VP ngày 17/6/2023
9	Sở Lao động Thương binh - Xã hội	Đồng ý với nội dung và hình thức trình bày văn bản.	Công văn số 1443/SLĐT BXH-BTXH&PCTN, ngày 22/6/2022
10	Sở Xây dựng	Thống nhất với nội dung dự thảo.	Công văn số 1145/SXD-CCGD, ngày 22/6/2022
11	Công ty CP sách và thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông	Thống nhất với nội dung dự thảo.	Công văn số 22/CV-TBTH ngày 18/6/2022
12	Sở Tư pháp	Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:	Công văn số 762/STP-VBQPPL ngày 27/6/2022

1. Về nội dung dự thảo Nghị quyết:
- Thống nhất tên Nghị quyết như sau: “Nghị quyết ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025”.

- Tại Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định, đề nghị lược bỏ điểm a Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định.
Lý do: nguồn vốn được lồng ghép trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia bao gồm nguồn vốn ngân sách nhà nước (trung ương, địa phương) và nguồn vốn huy động hợp pháp khác (vốn huy động/đóng góp từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân) nên đối tượng áp dụng tại điểm a Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định gồm “các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình” là không đầy đủ. Ngoài ra, dự thảo Quy định có nhiều nội dung trao quyền cho cấp xã (Khoản 8 Điều 2, Khoản 2 Điều 6 dự thảo Quy định) nhưng các đối tượng áp dụng quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định nêu trên lại liệt kê thiếu Ủy ban nhân dân cấp xã. Mặt khác, các đối tượng áp dụng tại điểm b Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định đã bao hàm luôn các đối tượng tại điểm a Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định.

- Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 2 dự thảo Quy định đang quy định lại nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đã được quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022. Mặt khác, Khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định “Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”. Vì vậy, đề nghị bỏ các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 2 dự thảo Quy định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến và đã bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến của đơn vị.

	<p>2. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần căn cứ pháp lý: Thực hiện theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL (chỉ sử dụng làm căn cứ pháp lý đối với các văn bản quy phạm pháp luật). - Rà soát, sử dụng thống nhất cụm từ “Chương trình” (viết hoa chữ đầu tiên) khi đề cập cụ thể đến Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hoặc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; sử dụng cụm từ “chương trình” (không viết hoa) khi đề cập đến các chương trình MTQG nói chung. - Rà soát lại các lỗi chính tả (“nhà trợ” sửa thành “nhà tài trợ”...), viết đúng tên văn bản quy phạm pháp luật “Luật Ngân sách nhà nước 2015” thay vì “Luật Ngân sách”. - Đánh số trang của dự thảo Quy định riêng, không đánh số trang liên tiếp giữa dự thảo Nghị quyết và dự thảo Quy định.
	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa theo ý kiến của đơn vị.</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6574/UBND-KT
V/v khẩn trương xây dựng
hoàn thiện các quy định triển
khai các chương trình mục
tiêu quốc gia

Đắk Nông, ngày 14 tháng 11 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Xây dựng;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 77/TTr-SKH ngày 03/11/2022 về việc bổ sung một số nội dung tại Tờ trình số 69/TTr-SKH ngày 14/10/2022; tại Công văn số 2547/SKH-QLN ngày 28/10/2022 về việc xử lý đề nghị của Sở Xây dựng về thực hiện nhiệm vụ tham mưu Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án tại mục 10.2 Quyết định số 1053/QĐ-BCĐ ngày 24/6/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo như sau:

1. Về quy định hỗ trợ chi phí chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1.1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tiếp tục rà soát, hoàn thiện nội dung Nghị quyết quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk và bãi bỏ Khoản 7 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh, đề tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thường kỳ lần thứ 5 (dự kiến tổ chức vào tháng 12/2022); báo cáo UBND tỉnh trước ngày 16/11/2022.

1.2. Ngay sau khi Khoản 7 Điều 1 của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 được HĐND tỉnh quyết nghị bãi bỏ, giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định hiện hành.

2. Về các cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan khẩn trương tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai những nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 chưa được quy định chi tiết tại Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh theo đúng quy định hiện hành; hoàn thành trước ngày 20/11/2022, cụ thể:

- Quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu và tỷ lệ huy động các nguồn vốn đóng góp từ doanh nghiệp, người dân trên địa bàn,... để tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đúng quy định, phù hợp tình hình thực tế của địa phương;

- Quy định tỷ lệ phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách của cấp xã, huyện từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới.

(Nhiệm vụ nêu trên, Trường Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021-2025 đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện tại mục 1.3 Phụ lục kèm theo Quyết định 1053/QĐ-BCĐ ngày 27/6/2022).

Yêu cầu các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TP, LĐTĐBXH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KGVX, KT ©.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mười

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: 6333/ITr-UBND

Đắk Nông, ngày 04 tháng 11 năm 2022



TỜ TRÌNH

Ban hành Nghị quyết quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, với các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 và điểm b Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định:

“Điều 13. Nguyên tắc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù

1. Các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật phức tạp được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù phải có sự tham gia của người dân trong quá trình lập hồ sơ, tổ chức thi công xây dựng, bảo trì công trình. Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo từng giai đoạn”.

“Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

b) Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này”.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là phù hợp với quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc xây dựng Nghị quyết ban hành quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện nhằm phát huy có hiệu quả nguồn vốn của các chương trình, dự án, tránh trùng lặp, thất thoát, lãng phí; huy động được tối đa các nguồn lực để hỗ trợ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, nhằm phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Đảm bảo đúng quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các quy định của pháp luật hiện hành.

Đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Phù hợp tình hình thực tế của các đơn vị và địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định (xây dựng dự thảo lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan tiếp thu, tổng hợp, hoàn thiện dự thảo, Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 50/BCTĐ-STP ngày 15/9/2022).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể:

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm có 02 Điều.
- Quy định kèm theo Nghị quyết gồm có 03 Chương, 08 Điều.

2. Nội dung cơ bản của Quy định

Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, gồm có 03 Chương, 08 Điều, cụ thể:

Chương 1: Quy định chung có 02 Điều;

Chương 2: Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác có 04 Điều;

Chương 3: Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù có 02 Điều.

V. MỘT SỐ Ý KIẾN KHÁC CÓ LIÊN QUAN

Tại tiết 1 điểm d và tiết 1 điểm đ khoản 1 Mục VI Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, quy định:

"d) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương lồng ghép vốn của Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo để phân đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt theo quy định nguyên tắc lồng ghép vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội và các quy định tại các văn bản khác có liên quan;

...

đ) Ủy ban Dân tộc:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương lồng ghép vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi để phân đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt theo quy định nguyên tắc lồng ghép vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội và các quy định tại các văn bản khác có liên quan."

Tuy nhiên, đến nay Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc chưa có hướng dẫn về thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn. Do đó, sau khi HĐND ban hành Nghị quyết này, trường hợp Trung ương có hướng dẫn về cơ chế lồng ghép nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia khác với nội dung quy định tại Nghị quyết này thì UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

(Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình gồm: (1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; (2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Biên bản cuộc họp).

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS, Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mười

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1389/STP-VBPBPL

Đắk Nông, ngày 03 tháng 11 năm 2022

V/v cho ý kiến đối với việc tham
mưu bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị
quyết số 04/2018/NQ-HĐND của
HĐND tỉnh Đắk Nông.

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2574/SKHĐT-QLN ngày 01/11/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc cho ý kiến bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh. Sau khi nghiên cứu nội dung các văn bản có liên quan; Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

- Tại Công văn số 850/STP-VBPBPL ngày 14/7/2022 về việc góp ý dự thảo Quyết định Quy định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Sở Tư pháp đã đề cập đến vấn đề nguyên tắc áp dụng văn bản pháp luật và có nêu rõ “*cơ quan soạn thảo cần trao đổi, thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư về các nội dung có liên quan tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND để có hướng xử lý cho phù hợp, đồng thời, đối với những nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến ngành xây dựng thì cần rà soát để tham mưu chung trong một văn bản (nếu cùng thẩm quyền ban hành) nhằm đảm bảo tính phù hợp, thống nhất của hệ thống pháp luật địa phương*” – nội dung này có nêu tại Báo cáo thẩm định số 52/BCTĐ-STP và đã gửi Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Tại Báo cáo thẩm định số 52/BCTĐ-STP ngày 29/9/2022 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Quyết định Quy định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Sở Tư pháp cũng đã nêu rõ:

“*Tuy nhiên, qua theo dõi của Sở Tư pháp, đến thời điểm hiện tại, việc thay thế hoặc bãi bỏ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND chưa được khởi động tiến hành theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Đề nghị cơ quan soạn thảo trao đổi, thống nhất lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư – cơ quan chủ trì xây dựng Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết 02/2021/NQ-HĐND về vấn đề này (Nếu 02*

Sở thống nhất và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì có thể lồng ghép xử lý nội dung có liên quan (**bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND**) vào dự thảo Nghị quyết về lồng ghép vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia mà Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tham mưu xây dựng).

- Tại Biên bản họp ngày 27/10/2022 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, một lần nữa, Sở Tư pháp đã thống nhất nội dung “**Thống nhất tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2022 (có thể lồng ghép vào dự thảo Nghị quyết cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông do Sở Kế hoạch và Đầu tư đang trình). Những nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018.**

Sau khi khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND bãi bỏ, Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (được sửa đổi năm 2020) và các quy định khác có liên quan” tại Biên bản họp.


Như vậy, đối với việc tham mưu bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND, Sở Tư pháp đã có quan điểm thống nhất xuyên suốt tại các văn bản nêu trên. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động nghiên cứu và mạnh dạn đề xuất tham mưu theo đúng quy định (**tránh tình trạng lấy ý kiến nhiều lần đối với cùng một nội dung, cùng một vấn đề**).

Trên đây là ý kiến phản hồi của Sở Tư pháp đối với đề nghị tại Công văn số 2574/SKHĐT-QLN, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Xây dựng (đ/b);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VBPPPL (PT).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trung Hiếu

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 84 /TTr-SKH

Đắk Nông, ngày 16 tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Công văn số 6574/UBND-KT ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh về việc khẩn trương xây dựng hoàn thiện các quy định triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia.

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh, với các nội dung cụ thể như sau:

A. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ LỒNG GHEP NGUỒN VỐN GIỮA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, GIỮA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC; TỶ LỆ SỐ LƯỢNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 và điểm b khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, quy định:

“Điều 13. Nguyên tắc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù

1. Các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật phức tạp được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù phải có sự tham gia của người dân trong quá trình lập hồ sơ, tổ chức thi công xây dựng, bảo trì công trình. Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo từng giai đoạn”.

“Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

b) Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này”.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1053/QĐ-BCĐ ngày 24/6/2022 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 về việc ban hành Chương trình công tác năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Nghị quyết ban hành quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; quá trình thực hiện như sau:

I. Về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác (gọi tắt là dự thảo Nghị Quyết)

Dự thảo Nghị quyết được Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tại Công văn số 1331/SKH-QLN ngày 09/6/2022, Công văn số 1402/SKH-QLN ngày 16/6/2022 và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Trong quá trình soạn thảo, chỉnh sửa đã nghiên cứu tham khảo một số tỉnh như: Kom Tum, Lào Cai, Hà Giang, Quảng Trị, Bắc Kạn...); ngày 01/7/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết nêu trên tại Tờ trình số 36/TTr-SKH.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 50/BCTĐ-STP ngày 15/9/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết.

Ngày 06/10/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức cuộc họp để tiếp tục góp ý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết với sự tham dự của các Sở: Tài chính, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban dân tộc và UBND các huyện, thành phố. Trên cơ sở ý kiến của đại diện các

đơn vị tham dự cuộc họp, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Về nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn được quy định tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết:

Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến nội dung về nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn của Sở Tư pháp: Thực hiện theo các nguyên tắc lồng ghép quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Đồng thời, Sở Kế hoạch và Đầu tư bổ sung nội dung tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết như sau: “2. Ưu tiên lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác để hỗ trợ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới”.

Lý do: Tại điểm c, khoản 2, mục IV và tiết 3 khoản đ, điểm 2, mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

“- Vốn lồng ghép từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 các Chương trình, dự án khác thực hiện trên địa bàn nông thôn để hỗ trợ hoàn thành các tiêu chí NTM;

- Thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn giai đoạn 2021-2025 để hỗ trợ các địa phương hoàn thành các mục tiêu xây dựng NTM được Quốc hội phê duyệt.”

2. Đối với ý kiến góp ý còn lại, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, hoàn thiện vào dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, sau khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn cụ thể để các đơn vị thuận lợi trong quá trình thực hiện.

II. Về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025

1. Danh mục loại dự án đầu tư xây dựng áp dụng cơ chế đặc thù:

Ngày 18/10/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1703/QĐ-UBND về danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù

Ngày 14/7/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Công văn số 1663/SKH-QLN đề nghị UBND các huyện, thành phố đề xuất tỷ lệ số lượng dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù thực hiện tại địa phương của mình.

Trên cơ sở đề xuất của UBND các huyện, thành phố và tham khảo các tỉnh (như: Cao Bằng, Hà Giang, Bắc Kạn, ...), Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp, đề xuất 02 phương án, như sau:

- *Phương án 1:* Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù được tính là tỷ lệ trung bình cộng theo từng danh mục dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia do UBND cấp huyện được giao quản lý, điều hành trên cơ sở đề xuất của UBND các huyện, thành phố.

- *Phương án 2:* Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 chung cả tỉnh tối thiểu là 40% trên tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia do UBND cấp huyện được giao quản lý, điều hành trên cơ sở đề xuất của UBND các huyện, thành phố (*Bảng phụ lục tổng hợp tỷ lệ số lượng dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù do UBND các huyện, thành phố đề xuất đính kèm*).

Ngày 06/10/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức cuộc họp với các đơn vị có liên quan. Tại cuộc họp, các sở ngành, địa phương thống nhất đề nghị trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 chung cả tỉnh tối thiểu là 40% trên tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia do UBND cấp huyện được giao quản lý, điều hành.

Ngoài ra, để tránh tình trạng ban hành nhiều văn bản, qua trao đổi với Sở Tư pháp, Sở Tư pháp đề nghị lồng ghép nội dung tỷ lệ số lượng dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù vào dự thảo Nghị quyết cơ chế lồng ghép nguồn vốn và Sở Tư pháp sẽ có ý kiến tại cuộc họp các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

III. Một số ý kiến khác có liên quan

- Theo quy định tại tiết 1 điểm d và tiết 1 điểm đ khoản 1 Mục VI Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

“d) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- *Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương lồng ghép vốn của Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt theo quy định nguyên tắc lồng ghép vốn của 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội và các quy định tại các văn bản khác có liên quan;*

đ) Ủy ban Dân tộc:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương lồng ghép vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt theo quy định nguyên tắc lồng ghép vốn của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội và các quy định tại các văn bản khác có liên quan.”

- Theo ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 50/BCTĐ-STP ngày 15/9/2022 thì việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND trình HĐND tỉnh về dự thảo Nghị quyết là đúng thẩm quyền và cần thiết. Tuy nhiên, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư cân nhắc thêm về thời điểm trình Dự thảo để bảo đảm chất lượng nếu được xem xét, thông qua.

Như vậy, việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND trình HĐND tỉnh về dự thảo Nghị quyết là đúng thẩm quyền và cần thiết. Tuy nhiên, đến nay Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc chưa có hướng dẫn về thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn. Do đó, sau khi HĐND ban hành Nghị quyết, trường hợp Trung ương có hướng dẫn về cơ chế lồng ghép nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia khác với nội dung quy định tại Nghị quyết này thì Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

B. BÃI BỔ KHOẢN 7 ĐIỀU 1 NGHỊ QUYẾT SỐ 04/2018/NQ-HĐND NGÀY 02/8/2018 CỦA HĐND TỈNH

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

“Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

4. Ban hành các quy định trong tổ chức thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù quy định tại Chương IV Nghị định này:

a) ...

b) Quyết định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án”.

Thực hiện quy định trên, UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng chủ trì xây dựng Quyết định Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án.

Đến nay, Sở Xây dựng đã hoàn thành dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định Quyết định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định nêu trên; tuy nhiên, trong quá trình xây dựng, gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau: Theo Báo cáo thẩm định số 52/BC-STP ngày 29/9/2022, Sở Tư pháp có ý kiến như sau: (1) Quy

định hỗ trợ chi phí chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia đang được áp dụng quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 (*gọi tắt là Nghị quyết 04/2018/NQ-HĐND*) được kéo dài thời hạn áp dụng tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; (2) Việc Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định của UBND tỉnh trong khi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về cùng một vấn đề còn hiệu lực thi hành là chưa đúng quy định.

Ngày 14/10/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 5903/UBND-KT của UBND tỉnh về việc tham mưu xử lý đề nghị của Sở Xây dựng về việc thực hiện nhiệm vụ tham mưu Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án tại mục 10.2 Quyết định 1053/QĐ-BCĐ.

Để xử lý vướng mắc của Sở Xây dựng nêu trên, ngày 27/10/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức cuộc họp với các Sở: Xây dựng, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban dân tộc. Trên cơ sở thảo luận, cuộc họp thống nhất đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 (*có thể lồng ghép vào dự thảo Nghị quyết cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông do Sở Kế hoạch và Đầu tư đang trình*). Những nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018.

Ngày 01/11/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 2574/SKH-QLN đề nghị Sở Tư pháp cho ý kiến về bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 được kéo dài thời hạn áp dụng tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 03/11/2022, Sở Tư pháp có ý kiến tại Công văn số 1389/STP-VBPBPL; trong đó, Sở Tư pháp đã có quan điểm thống nhất xuyên suốt tại Công văn số 850/STP-VBPBPL ngày 14/7/2022, Báo cáo thẩm định số 52/BCTĐ-STP ngày 29/9/2022; tại cuộc họp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức ngày 27/10/2022.

Do đó, để giải quyết khó khăn vướng mắc do quy định mới của Trung ương như đã trình bày ở trên và đảm bảo cơ sở pháp lý UBND tỉnh ban hành Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đúng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP thì việc bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 là cần thiết. Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018, những nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018.

Từ những nội dung nêu trên, để có cơ sở cho các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh Nghị quyết ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh.

Hồ sơ thẩm định kèm theo gồm:

(1) Dự thảo Tờ trình của UBND trình HĐND tỉnh Nghị quyết ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh;

(2) Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh;

(3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;

(4) Báo cáo tiếp thu, giải trình theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;

(5) Bảng tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

(6) Các Biên bản cuộc họp ngày 06/10/2022 và ngày 27/10/2022;

(7) Bảng phụ lục tổng hợp đề xuất tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù;

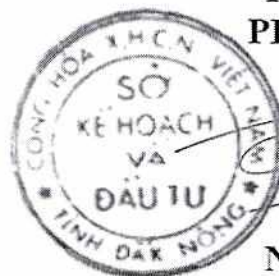
(8) Công văn số 1389/STP-VBPBPL ngày 03/11/2022 của Sở Tư pháp về việc cho ý kiến đối với việc tham mưu bãi bỏ khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh;

(9) Các văn bản có liên quan.

Kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đ/c Lãnh đạo Sở;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, QL.N.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Xuân Đông

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *216*/HĐND-VP

Đắk Nông, ngày *21* tháng *11* năm *2022*

V/v gửi các báo cáo, tờ trình, đề án,
dự thảo nghị quyết trình Kỳ họp
thứ 5 HĐND tỉnh khóa IV
(lần 2)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

Ngày 10/11/2022, Thường trực HĐND tỉnh đã ban hành Công văn số 209/HĐND-VP việc gửi các báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh. Tuy nhiên, tính đến 09h00' ngày 21/11/2022 Thường trực HĐND tỉnh mới nhận được 06/12 báo cáo và 04/14 tờ trình, dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình (Bao gồm của các tờ trình, dự thảo nghị quyết đăng ký bổ sung). Để đảm bảo nội dung phục vụ kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chậm nhất ngày 25/11/2022 gửi các báo cáo, tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết còn lại về Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh phục vụ công tác thẩm tra theo quy định. Nếu chậm trễ do nguyên nhân chủ quan, UBND tỉnh chịu trách nhiệm.

(Có phụ lục theo dõi gửi kèm theo)

Nhận được Công văn, đề nghị UBND tỉnh phối hợp, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch HĐND tỉnh (b/c);
- LĐ VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh ;
- LĐ các Phòng: CT HĐND: DN;
- Lưu: VT, HSKH.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Quang B Krông